TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày 29-9-2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Dũng, bà Hà Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 25/02/2025 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 25/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Ú, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nông Thị C1, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk và ông Dương Văn N, sinh năm 1969 – Bà C1 có mặt, ông N vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Công ty TNHH MTV L1; địa chỉ: A N, xã L, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Phạm Quang C2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã G, tỉnh Lâm Đồng – đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T1; địa chỉ: Thôn P, xã G, tỉnh Lâm Đồng – ông T đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ông Lưu Công T2, sinh năm 1972; địa chỉ: Buôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

- Ông Y Krang N1; địa chỉ: Buôn P, xã K, tỉnh Đắk Lắk – đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ông Y Tây Pang T3; địa chỉ: Buôn Đ, xã K, tỉnh Đắk Lắk – đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ông Y Nghe Rơ Y, sinh năm 1972; địa chỉ: Buôn G, xã K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày:*

Ngày 02/02/2022, ông C nhận chuyển nhượng của bà Nông Thị C1 01 thửa đất có diện tích khoảng 2.100m^2 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Việc chuyển nhượng được các bên lập Giấy sang nhượng đất, đề ngày 02/02/2022. Giá chuyển nhượng 800.000.000 đồng; các bên đã thanh toán xong và đã thực hiện việc bàn giao đất trên thực tế. Thửa đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông Dương Văn N và bà Nông Thị C1 khai hoang; sau đó ông N ủy quyền lại cho bà C1 toàn quyền quyết định và bà C1 chuyển nhượng cho ông C.

Tuy nhiên, ngay sau đó ông C phát hiện ông Ú chiếm đất và trồng thông trên đất. Vì vậy, ông C yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Ú phải trả lại cho ông C thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Đối với các tài sản trên đất ông C không tạo lập và không liên quan, không có yêu cầu gì đối với tài sản trên đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ú trình bày:*

Năm 2017 ông Ú nhận chuyển nhượng khoảng 05 ha đất từ ông Lê Văn T, bà Phạm Thị T1, ông Phạm Quang C2 (địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng). Việc mua bán được lập thành văn bản là Giấy sang nhượng đất rẫy, đề ngày 10/3/2017, có xác nhận của UBND xã K, huyện L.

Đặc điểm thửa đất: Phía Đông giáp ông T4, ông L, ông T5; phía Tây giáp Q; phía Nam giáp bà H D, ông Ma B; phía Bắc giáp đất ông T6, ông T7, ông Ma B.

Giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); các bên đã thanh toán xong và ông Ú đã nhận đất canh tác sử dụng.

Ông Ú được biết diện tích đất trên do ông T, ông C2 nhận chuyển nhượng lại từ ông Lưu Công T2 (địa chỉ: Buôn B, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk) từ năm 2004; trong đó có khoảng 7 sào do ông T2 nhận chuyển nhượng từ ông Y Nghe Rơ Y từ năm 2002.

Đến năm 2021, cơ quan Nhà nước thực hiện việc đo đạc hiện trạng đất đai tại địa phương, qua đó thể hiện diện tích đất của ông Ú đang quản lý, sử dụng là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 449, diện tích 56.794m^2; tại Buôn B, xã K, huyện L.

Đến năm 2022, ông C có đến tìm ông Ú và cho rằng đất của ông C nằm trong diện tích đất mà ông Ú đang quản lý, sử dụng nên các bên đã phát sinh tranh chấp, được hòa giải tại chính quyền địa phương nhưng không thành. Diện tích đất khoảng hơn 2 sào như nội dung ông C khởi kiện nằm trong thửa đất 299 mà ông Ú hiện đang quản lý, sử dụng; trên đất ông Ú đang trồng cây T8 từ năm 2021.

Toàn bộ thửa đất 299 đã được ông Ú nhận chuyển nhượng từ năm 2017, quản lý, sử dụng ổn định đến nay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông C là không có căn cứ; đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị C1 trình bày:*

Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 tại xã K là do bà C1 chuyển nhượng cho ông C. Việc chuyển nhượng được lập thành văn bản là Giấy sang nhượng đất, đề ngày 02/02/2022. Giá chuyển nhượng 800.000.000 đồng, các bên đã thanh toán xong; tại thời điểm chuyển nhượng thì ông Ú đã trồng cây thông trên đất; bà C1 và ông C kiểm tra diện tích, ranh giới, mốc giới và ông C đồng ý mua vì nhận thấy đã có giấy tờ hợp pháp.

Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng bà C1, ông Dương Văn N khai phá từ năm 2003, sau đó ông N, bà C1 có đi xin xác nhận của chính quyền địa phương và ông N đã ủy quyền cho bà C1 được toàn quyết quyết định đối với thửa đất này. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

** Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và ông Phạm Quang C2 trình bày.*

Ông T là chồng bà Phạm Thị T1, ông C2 là em ruột của bà T1. Năm 2004, ông T và ông C2 có nhận chuyển nhượng đất của ông Lưu Công T2 ở thôn B, xã K, huyện L hơn 5 hec ta đất canh tác. Việc chuyển nhượng thể hiện thông qua Giấy chuyển nhượng đất rẫy ngày 02/6/2004 có xác nhận của UBND xã K, huyện L. Do diện tích đất rộng nên các bên không đo đạc cụ thể mà chỉ bàn giao tương đối trên thực tế.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì chúng tôi có trồng một số hoa màu. Đến năm 2017, chúng tôi chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông Trần Ú theo Giấy sang nhượng đất rẫy đề ngày 10/3/2017. Việc chuyển nhượng đã được thực hiện xong và chúng tôi không có ý kiến gì.

Hiện tại chúng tôi không xác định được diện tích 02 sào đất mà ông C kiện đòi ông Ú có nằm trong 05 hec ta mà chúng tôi đã chuyển nhượng cho ông Ú hay không. Nếu đất các bên đang tranh chấp nằm trong diện tích 05 hecta này thì chúng tôi có ý kiến rằng từ khi chúng tôi nhận chuyển nhượng từ ông T2 năm 2004 đến khi chuyển nhượng cho ông Ú năm 2017, chúng tôi không tranh chấp với ai. Chúng tôi không biết ông Dương Văn N và bà Nông Thị C1, cũng không phát sinh tranh chấp với ai trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Vì lý do công việc và điều kiện đi lại khó khăn nên

chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định và xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

** Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk ban hành văn bản số 24/CV-UBND ngày 18/4/2025 với nội dung:*

Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203, đo đạc bản đồ địa chính theo dự án đo đạc tổng thể năm 2009 trên địa bàn huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất thuộc địa giới buôn B, xã K, diện tích 2.173,6m^2; trong sổ mục kê đất đai người sử dụng quản lý là Dương Văn N. Hiện tại thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất nằm trong chỉ giới đất Công ty L1. Toàn bộ diện tích đất chưa đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại Công văn số 24/CTLN ngày 04/6/2024 của Công ty TNHH MTV L1 có nội dung:*

Căn cứ Quyết định 2783/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 99.810.524m^2 đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty. Căn cứ vị trí thực tế diện tích đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 thuộc địa giới hành chính xã K, Công ty xác định diện tích đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ 203 thuộc địa giới hành chính xã K không nằm trong diện tích đất công ty được UBND tỉnh giao quản lý.

** Tại biên bản ghi lời khai, người làm chứng ông Y Tây Pang T3 khai:*

Năm 2017, ông Y T9 thời điểm này là Phó Chủ tịch UBND xã K có xác nhận vào Giấy sang nhượng đất rẫy ngày 10/3/2017 giữa ông Lê Văn T, ông Phạm Quang C2, bà Phạm Thị T1 với ông Trần Út . Việc xác nhận của UBND xã về việc mua bán của các bên căn cứ vào sự việc mua bán có thật và căn cứ vào các giấy tờ mà các chủ trước đưa ra trình. Thời điểm đó đất đai chưa được giải thửa cụ thể nên không có thông tin về đất mà các bên chuyển nhượng. Vì lý do công việc nên ông Y T9 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn V khai:*

Ông V là bạn của ông C và là người ký làm chứng vào Giấy sang nhượng đất ngày 02/02/2022 của ông C, bà C1 để xác nhận việc bà C1 chuyển nhượng thửa đất 08 cho ông C là thật. Giấy sang nhượng được lập tại nhà ông V. Tại thời điểm các bên lập Giấy sang nhượng thì ông V chưa biết đất ông Ú đã quản lý, sử dụng. Sau đó ông V đi cùng ông C sang phát dọn thì mới biết ông Ú trồng cây thông trên đất.

** Tại biên bản ghi lời khai, người làm chứng ông Y N2 Rơ Yam trình bày:*

Khoảng năm 1996 tôi có khai hoang một diện tích đất và đến năm 2002 có bán viết tay cho ông Lưu Công T2 khoảng 7 sào, theo Giấy chuyển nhượng đất rẫy đề ngày 09/3/2002. Sau này ông T2 chuyển nhượng cho ai như thế nào thì tôi không biết. Tôi không biết ông C, ông Ú, cũng không biết việc tranh chấp của các bên, do thời gian đã lâu, thời điểm tôi chuyển nhượng cho ông T2 thì

chưa có đường đi như bây giờ nên tôi không xác định được vị trí đất trước đây hiện nay có nằm trong diện tích tranh chấp của các bên hay không.

Tôi không làm chứng được nội dung gì về tranh chấp của các bên hiện tại, do bận công việc nên đề nghị Tòa án không mời tôi tham gia vụ án này nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng thông qua đường bưu chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Công T2 nhưng không tìm được người nhận. Qua xác minh tại Công xã K xác định có ông Lưu Công T2, sinh ngày 24/10/1972, cư trú tại buôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lưu Công T2, tuy nhiên ông T2 từ chối nhận văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử nhận thấy ông T2 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án này nên xét xử vụ án vắng mặt ông T2.

Nguyên đơn ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1 xác định ông Dương Văn N là chồng của bà Nông Thị C1, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân cũng như thông tin cá nhân của ông N; không xác định được địa chỉ của ông N hiện đang ở đâu. Tại văn bản số 01/TB-CAX ngày 14/4/2025 của Công an xã K xác định ông Dương Văn N không đăng ký thường trú tại địa phương. Tòa án đã yêu cầu ông C, bà C1 cung cấp địa chỉ của ông N nhưng cho đến hiện tại ông C, bà C1 không cung cấp được. Vì vậy, không có căn cứ để Tòa án làm việc với ông N. Đối với các đương sự khác vắng mặt đã có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án xác định ông Phạm Quang C2, ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T1, ông Lưu Công T2 là người làm chứng. Tuy nhiên, Hội đồng

xét xử nhận thấy những người này có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên xác định lại tư cách tham gia tố tụng của những người nêu trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ trích lục bản đồ địa chính của xã K, căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc xác định được tài sản tranh chấp thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Trích lục bản đồ địa chính thể hiện thửa đất có diện tích 2.173,6m^2, trong đó có 751,1m^2 thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông; qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng theo sự chỉ dẫn của nguyên đơn thì diện tích tranh chấp là 2.059,9m^2. Nguyên đơn trình bày trong quá trình xác định ranh giới tranh chấp trên thực tế khi thẩm định, đo đạc có sự chính xác tương đối về diện tích hiện trạng so với diện tích trên bản đồ địa chính; nên yêu cầu khởi kiện cụ thể của nguyên đơn là đòi lại thửa đất 08 theo đúng ranh giới, diện tích theo như bản đồ địa chính. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích đất tranh chấp do bị đơn ông Trần Ú quản lý, sử dụng, trên đất có trồng cây thông.

Ông Ú cho rằng Ú đang quản lý, sử dụng thửa đất số 299, tờ bản đồ số 449, diện tích 56.794m^2 tại Buôn B, xã K, huyện L; đồng thời cung cấp cho Tòa án bản phô tô Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất năm 2021. Tòa án đã yêu cầu ông Ú cung cấp tài liệu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp nhưng ông Ú không cung cấp được và cũng không có đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan, tổ chức nào cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tài liệu, chứng cứ nêu trên mà ông Ú cung cấp không đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ông C xác định thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 nhận chuyển nhượng từ bà Nông Thị C1 theo Giấy sang nhượng đất ngày 02/02/2022. Quá trình giải quyết vụ án, bà C1 xác định thửa đất này là do vợ chồng bà Nông Thị C1 và ông Dương Văn N khai hoang, có xác nhận của UBND xã K ngày 04/4/2009. Sau đó ông N ủy quyền cho bà C1 được toàn quyền quyết định đối với thửa đất theo văn bản là Giấy ủy quyền ngày 03/3/2010, có xác nhận của UBND xã K.

Đối với những nội dung này, Tòa án đã ban hành văn bản số 70/CV-TA ngày 22/5/2025, gồm nhiều nội dung yêu cầu, trong đó có đề nghị UBND xã K xác định thông tin thửa đất đã xác nhận trong giấy xác nhận ngày 04/4/2009 và văn bản là Giấy ủy quyền ngày 03/3/2010. Tuy nhiên những nội dung này không được trả lời và UBND xã K cũng không tham gia tố tụng.

Đối với Giấy sang nhượng đất ngày 02/02/2022 giữa bà C1 với ông C không thể hiện các thông tin địa chính về mặt pháp lý của tài sản mà các bên chuyển nhượng. Bà C1 xác định khi chuyển nhượng đất cho ông C thì bà C1 biết đất đã có tranh chấp với ông Ú và ông Ú đã trồng cây thông trên đất; sau khi kiểm tra diện tích thì ông C nhận thấy đất đã có giấy tờ nên mới đồng ý mua. Bà C1 và ông C cũng không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú của ông N để làm rõ các sự việc khai hoang, xin xác nhận, chuyển nhượng đất, thông tin thửa đất

khai hoang và xin xác nhận. Trong khi đó bà C1 khai từ năm 2010 đã chuyển đi khỏi xã K, đến năm 2021 thì phát hiện ông Ú trồng cây thông trên đất.

Từ những phân tích trên, nhận thấy không đủ căn cứ xác định được thửa đất mà ông C, bà C1 cho rằng do ông Dương Văn N và bà Nông Thị C1 khai hoang và ủy quyền cho bà C1 được quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến thửa đất. Vì vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C về việc yêu cầu bị đơn ông Ú trả lại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 203 tại xã K.

[3] Đối với việc chuyển nhượng đất giữa các đương sự theo các văn bản liên quan, tại biên bản làm việc với các đương sự ngày 25/8/2025, các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu các chi phí tố tụng nêu trên và đã chi phí xong.

[5] Về án phí, căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0014815 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Ú trả lại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 203 tại xã K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng); số tiền này ông C đã chi phí xong.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C phải chịu 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0014815 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV 6 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Duy Nguyên